

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 314/2024/DS-PT

Ngày: 06-6-2024

V/v tranh chấp: “Thừa kế theo
pháp luật và theo di chúc”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em

Bà Lê Thị Hồng Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Thừa kế theo pháp luật và theo di chúc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 978/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Cao Bùi Hồng N, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp V, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2023)

- **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972.

2. Cháu Cao Minh N1, sinh năm 2015.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Luật sư Nguyễn Thanh T1 thuộc Văn phòng L2 đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Du

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chị Phạm Thị Ngọc N3, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang,

3/ Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1999 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Cao Bùi Hồng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Cao Bùi Hồng N trình bày:

Cha chị N là ông Cao Minh N4, sinh năm 1966. Chết ngày 02 tháng 06 năm 2022.

Cha chị và mẹ chị N đã ly hôn. Cha chị N có 03 người con gồm:

- Cao Minh Hữu N5, sinh năm 1992. Chết năm 2013, không có vợ, không có con;

- Cao Bùi Hồng N, sinh năm 2003;

- Cao Minh N1, sinh năm 2015. Anh N1 là con chung giữa ông N4 với bà Nguyễn Thị D.

Cha ông N4 là ông Cao Văn Đ chết năm 2020 và mẹ là Lê Thị H1, chết, năm 2012.

Di sản của ông N4 chết để lại gồm có:

- 01 căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 120m²;

- Thửa đất 1152, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.527,5m². Trong đó chuyển nhượng cho bà H 67m² nên phần chuyển nhượng không tranh chấp và thống nhất là của bà H. Nhà đất tại ấp Ô, xã T, thị xã G.

Ông N4 chết không để lại di chúc. Nay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ di sản của ông Cao Minh N4 chết để lại gồm:

+ Tổng diện tích đất 4.460,5m².

+ 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất 1152 không tranh chấp, rút yêu cầu khởi kiện và để làm nhà thờ.

Cách chia cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất chia làm 03 phần, chị N hưởng bằng hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích 1.486,8m² gồm 100m² đất ONT và 1.386,8m² đất trồng cây lâu năm tại vị trí giáp đất bà H và đất đối diện. Không chấp nhận và không nhận đất lúa giáp khu mộ ngang 5m, dài hết chiều dài thửa đất mà bà D có ý kiến cho.

Yêu cầu nêu trên với các lý do sau:

- Ông N4 chết không để lại di chúc, chị N là con nên thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N4.

Di sản này là của ông Đ và ông Đ lúc còn sống là mong muốn cho hết anh N5.

Ngoài ra chị N không yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông N4 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015 và có một người con chung tên Cao Minh N1 sinh năm 2015.

Chị Cao Bùi Hồng N và anh Cao Minh Hữu N5 là con riêng của ông N4 với vợ trước và đã ly hôn, chia tài sản xong.

Anh N5 chết năm 2013, không có vợ, không có con;

Năm 2018, vợ chồng bà được cha chồng là ông Cao Văn Đ tặng cho 3.350m² đất lúa thừa 989 và 3.882,6m² đất thừa 990, tờ bản đồ số 22 tại ấp Ông N6, xã T;

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, ông N4 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09264 và CS09265;

Tháng 9 năm 2019, ông N4 tặng cho bà Cao Thị Hồng P 876,9m² thừa 989; tặng bà Cao Thị Hồng L1 430,7m². Diện tích còn lại của thừa 989 là 2.042,4m² và thành thừa mới là 1026;

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, ông N4 lập di chúc tặng cho thừa 1026 và thừa 990 cho bà và cháu N1;

Năm 2021, ông N4 tiếp tục chuyển nhượng cho bà Phạm Thị C diện tích 526,4m² thừa 990 và do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà tách thừa sang nhượng tiếp nên diện tích thừa 1026 còn lại là 1.810,4m², thừa 1104 còn lại diện tích 2.717,1m²; chuyển nhượng cho bà H 67m² để bà H làm lối đi, hai bên giao nhận tiền và đất xong nhưng chưa làm thủ tục sang tên vì diện tích đất nhỏ. Như vậy, diện tích còn lại theo Giấy chứng nhận là 4.527,5m², thực tế còn lại 4.446,05m². Trước yêu cầu khởi kiện của chị N, bà không đồng ý chia vì di chúc ông N4 di nguyện cho bà và anh N1 là đúng quy định của pháp luật, chị N từ khi cha mẹ ly hôn đã không liên lạc với ông N4, lúc ông N4 bệnh không chăm sóc, lúc ông N4 chết cũng không về để tang. Chị N không nhận phần bà cho thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào di chúc mà giải quyết. Bà D không yêu cầu gì về chi phí đám tang của ông N4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Ngọc N3, chị Phạm Thị Ngọc L trình bày :

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N: mái sau, mái che, cây trồng của các chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Hồng H là trình bày:

Bà có sang nhượng diện tích 67m² đất của ông N4 để làm lối đi vào nhà và tiền 70.000.000 đồng lúc ông N4 còn sống. Đất này bà đang quản lý, sử dụng và có ranh giới, hàng rào rõ ràng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, nay tại Tòa bà cũng không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 214/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 26, 35, 92, 147, 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các điều 624, 625, 626, 627, 628, 631, 633, 634, 635, 636, 639, 643, 644, 646, 647, 648, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 165, Điều 167 Luật Đất đai; Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Bùi Hồng N về việc chia di sản thừa kế của ông Cao Minh N4 chết để lại đối với diện tích 1.486,8m² đất ONT+CLN gồm 100m² đất ONT và 1.386,8m² đất trồng cây lâu năm thuộc thừa 1152, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS13197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01 tháng 6 năm 2022 cho ông Cao Minh N4 đứng tên. Địa chỉ thửa đất: Ấp Ông C1, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị N chia thừa kế căn nhà phía trước diện tích 52,17m² cột bê tông, vách tường, nền ceramic, mái tole trên thửa 1152, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS13197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01 tháng 6 năm 2022 cho ông Cao Minh N4 đứng tên. Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/10/2023, nguyên đơn chị Cao Bùi Hồng N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Yêu cầu chia thừa kế cho chị N hưởng một phần trong khối tài sản do ông N4 để lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày: Phía nguyên đơn yêu cầu huỷ di chúc cho rằng di chúc không hợp pháp, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký và dấu vân tay trong tờ di chúc và tại kết quả giám định kết luận rằng dấu vân tay là của ông N4, cho nên phía nguyên đơn cho rằng di chúc này giả mạo là không có căn cứ. Di chúc ông N4 di nguyện cho bà D và anh N1 là đúng quy định của pháp luật do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tổ tụng dân sự.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của nguyên đơn chị Cao Bùi Hồng N còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Thừa kế theo pháp luật và theo di chúc”.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cao Bùi Hồng N có đại diện theo uỷ quyền bà Bùi Thị T, Bị đơn bà Nguyễn Thị D, luật sư Nguyễn Thanh T1 bảo vệ quyền lợi cho bị đơn tất cả đều có mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị Hồng H, Chị Phạm Thị Ngọc N3, Chị Phạm Thị Ngọc L

đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung kháng cáo chị Cao Bùi Hồng N yêu cầu chia thừa kế cho chị N hưởng một phần trong khối tài sản do ông N4 để lại theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy:

Ông Cao Minh N4 sống chung với bà Bùi Thị T có hai con chung là Cao Minh Hữu N5, sinh năm 1992 Chết năm 2013, không có vợ, không có con và Cao Bùi Hồng N sinh năm 2003. Ông N4 và bà T đã ly hôn vào năm 2006 và chia tài sản chung theo bản án số 86/2006/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông

Đến năm 2015 ông N4 kết hôn với bà Nguyễn Thị D. Cơ sở là căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 09/2015 ngày 04 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện G cho thấy ông N4 và bà D là vợ chồng hợp pháp. Ông N4 sống với bà D có một người con tên là Cao Minh N1, sinh năm 2015.

- Căn cứ vào trích lục khai tử số 862/2022/TLKT-BS ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G thì ông Cao Minh N4 chết ngày 02 tháng 6 năm 2022.

Trước khi ông N4 chết ông đứng tên quyền sử dụng đất do cấp sơ thẩm không đo đạc được vì không có các hộ giáp ranh xác định ranh giới, các đương sự thống nhất số liệu quyền sử dụng đất được cấp trên giấy là di sản và trừ đi phần chuyển nhượng cho bà H. Diện tích còn lại là 4.446,05m².

Tài sản trên đất: 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất 1152, phía nguyên đơn chị Cao Bùi Hồng N rút yêu cầu khởi kiện không tranh chấp và để làm nhà thờ.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất quyền sử dụng đất diện tích 4.446,05m² là di sản của ông N4 chết để lại. Chị N tranh chấp phần di sản này.

- Xét nguồn gốc thửa đất 1152: Theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất là có nguồn gốc từ ông Cao Văn Đ tặng cho ông Cao Minh N4 năm 2018;

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, ông N4 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09264 với diện tích 2.042,4m² đất ONT+CLN, thửa 102, tờ bản đồ số 22;

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, ông N4 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09264 và CS09265;

Như vậy, việc ông N4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình sử dụng, đứng tên ông N4 có quyền chuyển nhượng và đã chuyển nhượng, tặng cho như sau:

+ Tháng 9 năm 2019, ông N4 tặng cho bà Cao Thị Hồng P 876,9m² thửa 989; tặng bà Cao Thị Hồng L1 430,7m². Diện tích còn lại của thửa 989 là 2.042,4m² và thành thửa mới là 1026;

+ Ngày 08 tháng 12 năm 2020, ông N4 lập di chúc tặng cho thửa 1026 và thửa 990 cho bà và cháu N1;

+ Năm 2021, ông N4 tiếp tục chuyển nhượng cho bà Phạm Thị C diện tích 526,4m² thửa 990 và do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà tách thửa sang

nhượng tiếp nên diện tích thửa 1026 còn lại là 1.810,4m², thửa 1104 còn lại diện tích 2.717,1m²; chuyển nhượng cho bà H 67m² để bà H làm lối đi.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, ông N4 làm thủ tục đăng ký biến động đất đai và thửa 1026, 1107 thành thửa 1152 với diện tích 4.527,5m² đất CLN +ONT;

Ngày 01 tháng 06 năm 2022, ông N4 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS13197 với diện tích 4.527,5m², thửa 1152 đất ONT+CLN trong đó có 300m² đất ONT;

- Xét Bản di chúc ngày 08 tháng 12 năm 2020 được lập tại Văn phòng C2, tỉnh Tiền Giang thể hiện ông N4 là chủ sử dụng thửa 1026 và 990, sau khi ông N4 qua đời thì tài sản thuộc quyền sử dụng của ông N4 sẽ để lại cho Nguyễn Thị D, Cao Minh N1 và không để lại cho bất cứ ai khác. Tại thời điểm lập di chúc thì ông N4 là chủ sử dụng đất nên ông có quyền tặng cho, chuyển nhượng theo Điều 165, Điều 167 Luật đất đai năm 2013 và Điều 624, Điều 625, Điều 626 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong di chúc thể hiện tại thời điểm lập di chúc ông N4 trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, có viết các chữ “ Tôi đã đọc và đồng ý” sau đó ký tên lấy dấu vân tay.

- Về thời điểm lập di chúc, chị N được 17 tuổi 05 tháng 05 ngày và không được ông N4 ghi tên trong di chúc để sau khi ông N4 chết sẽ cho chị N di sản; chị N cho rằng chị là con gái của ông N4 nên không thể nào không được hưởng di sản của ông. Tại thời điểm này di chúc chưa có hiệu lực để thi hành. Ngày 02 tháng 6 năm 2022, ông N4 chết. Như vậy, ngày này là ngày mở thừa kế và ngày di chúc có hiệu lực để thi hành. Ngày 02 tháng 6 năm 2022, chị N trên 18 tuổi nên không thuộc trường hợp được hưởng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015. Chị N không chứng minh được di chúc được lập là ngoài ý muốn của ông N4 hoặc tại thời điểm lập di chúc ông N4 bị đe dọa, dụ dỗ.

Tại phiên toà phúc thẩm chị N có đơn yêu cầu giám định chữ viết và dấu vân tay ông Cao Minh N4 tại kết quả giám định số 461/KL-KTHS ngày 9/5/2024 kết luận dấu vân tay trong tờ di chúc là của ông Cao Minh N4, cho nên việc ông N4 lập di chúc cho bà D và cháu Cao Minh N1 là đúng quy định pháp luật. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Cao Bùi Hồng N. Giữ y án sơ thẩm.

Lời bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Nguyễn Thị D, Cao Minh N1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: chị Cao Bùi Hồng N phải chịu 4.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chị Cao Bùi Hồng N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 26, 35, 92, 147, 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các điều 624, 625, 626, 627, 628, 631, 633, 634, 635, 636, 639,

643, 644, 646, 647, 648, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 165, Điều 167 Luật Đất đai; Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án,

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Cao Bùi Hồng N
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 214/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Bùi Hồng N về việc chia di sản thừa kế của ông Cao Minh N4 chết để lại đối với diện tích 1.486,8m² đất ONT+CLN gồm 100m² đất ONT và 1.386,8m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 1152, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS13197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01 tháng 6 năm 2022 cho ông Cao Minh N4 đứng tên. Địa chỉ thửa đất: Ấp Ông C1, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị N chia thừa kế căn nhà phía trước diện tích 52,17m² cột bê tông, vách tường, nền ceramic, mái tole trên thửa 1152, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS13197 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01 tháng 6 năm 2022 cho ông Cao Minh N4 đứng tên. Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Về án phí: Chị Cao Bùi Hồng N chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào số tiền 8.611.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm mười một nghìn đồng*) mà chị Cao Bùi Hồng N đã tạm ứng tại biên lai số 0007062 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, Tiền Giang. Như vậy, chị Cao Bùi Hồng N được hoàn lại số tiền 8.311.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Cao Bùi Hồng N chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và 4.000.000 đồng tiền chi phí giám định nhưng được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) mà chị Cao Bùi Hồng N đã tạm ứng trước đây. Như vậy, chị Cao Bùi Hồng N đã nộp đủ.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều

